TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2024
V/v:"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Trần Anh Tuấn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về *"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Mai Tr,** sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ : Ấp Th, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Th, xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

* Bị đơn: Anh **Trần Hữu Tr2,** sinh năm 1979

Địa chỉ : Ấp Th, xã M , huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Trần Hữu Tr2 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08-01-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Mai Tr trình bày:* Chị và anh Trần Hữu Tr2 thành lập gia đình với nhau vào năm 2007, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Ch, tỉnh K.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh Tr2 có tính trọng nam, khinh nữ; anh muốn có con trai, khi chị Tr sinh ra con gái thì anh thường thường gây sự, đánh đập chị rất nhiều lần, mãi đến khi sinh được con trai thì mới bớt bị đánh, nhưng thỉnh thoảng vẫn bị đánh nếu vợ chồng có cãi vã với nhau. Vì thương con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng suốt thời gian qua. Đến tháng 5 năm 2023, anh chị xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát, đánh nhau, gia đình hai bên phải đến cang ngăn. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Tr2 được nữa nên chị Tr mới bỏ nhà ra đi bên ngoài làm ăn sinh sống và cũng từ thời gian đó (tháng 5 năm 2023) hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau cho đến nay.

Nay chị Tr xét thấy tình cảm giữa chị và anh Tr2 đã hết, không thể hàn gắn lại được nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hữu Tr2

Trong thời gian chung sống, chị Tr và anh Tr2 có 02 con chung tên: Trần Ngọc Lan Th, sinh ngày 26-3-2008 và Trần Minh Tr3, sinh ngày 16-8-2012.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Phan Thị Mai Tr có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trần Hữu Tr2

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con Trần Ngọc Lan Th, sinh ngày 26-3-2008 và Trần Minh Tr3, sinh ngày 16-8-2012, chị Tr không yêu cầu anh Tr2 cấp dưỡng nuôi 02 con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai của đương sự ngày 05-3-2014, các biên bản hoà giải ngày 05-03-2024 và ngày 19-7-2024 (bút lục số: 22, 27,28,29,30, 34,35,36,37) bị đơn anh Trần Hữu Tr2 trình bày: Nguyên vào năm 2007, anh thành lập gia đình với chị Phạm Thị Mai Tr, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Ch, tỉnh K.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thẫn: Do anh thích con trai nhưng vợ lại sinh con gái nên vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã với nhau trong cuộc sống hàng ngày và

anh có đánh vợ (những lúc có rượu). Đến năm 2012, vợ sinh được con trai nên vợ chồng ít mâu thuẫn với nhau hơn. Đến khoảng tháng 5 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ đi chơi về khuya, tìm con mà không thấy, do lúc đó đã say rượu nên anh có đánh vợ và hai bên xô xát đánh nhau, gia đình hai bên phải đến can ngăn. Sau đó thì vợ anh bỏ nhà ra đi không chịu quay về nhà chung sống mặc dù anh rất nhiều lần tìm kiếm kêu về nhà nhưng vợ không đồng ý. Hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay.

Quá trình chung sống, anh và chị Tr có chung với nhau 02 con Trần Ngọc Lan Th, sinh ngày 26-3-2008 và Trần Minh Tr3, sinh ngày 16-8-2012

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vê nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 19-7-2024 (bút lục số:34,35,36,37) anh Trần Hữu Tr2 có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn, xin được hàn gắn đoàn tụ vì vẫn còn thương vợ con.

- Về con chung: Nếu Tr2 hợp vợ chồng dẫn đến ly hôn thì anh Tr2 chấp nhận theo nguyện vọng của các con là giao 02 con Trần Ngọc Lan Th, sinh ngày 26-3-2008 và Trần Minh Tr3, sinh ngày 16-8-2012 cho vợ (chị Tr) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Tr2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 08-01-2024 chị Phan Thị Mai Tr có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Hữu Tr2. Đây là vụ án "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ch, tỉnh K. Bị đơn anh Trần Hữu Tr2 có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất để HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Mai Tr và anh Trần Hữu Tr2 thành lập gia đình với nhau vào năm 2007 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh, chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Tr trình bày nguyên nhân là do anh Tr2 có tính gia trưởng, trọng nam, khinh nữ anh muốn có con trai, khi chị Tr sinh con gái thì anh thường xuyên gây sự đánh đập chị rất nhiều lần, mãi đến khi sinh được con trai thì chị mới bớt bị đánh nhưng thỉnh thoảng vẫn bị đánh nếu vợ chồng có cãi vã với nhau.Vì thương con còn nhỏ nên chị đã cố gắng chịu đựng suốt thời gian qua.

Nay chị Tr xét thấy tình cảm giữa chị và anh Tr2 đã hết, không thể hàn gắn lại được nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hữu Tr2.

Sự việc trình bày của chị Tr cũng được anh Tr2 thừa nhận: Do anh thích con trai nhưng vợ lại sinh con gái nên vợ chồng mâu thuẫn cãi vã với nhau trong cuộc sống hàng ngày và anh có đánh vợ (những lúc có rượu). Đến năm 2012, vợ sinh được con trai nên vợ chồng ít mâu thuẫn với nhau hơn. Đến khoảng tháng 5 năm 2023 thì xãy ra mâu thuẫn sau đó vợ anh bỏ nhà ra đi không chịu quay về mặc dù anh rất nhiều lần tìm kiếm, kêu về nhà nhưng vợ không đồng ý và cũng từ thời gian đó vợ chồng anh sống ly thân với nhau cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Tr2 đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr2 để ổn định cuộc sống.Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ Tr2 hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*".

Mặt khác, tại các phiên hoà giải cũng như tại phiên toà, Toà án đã kiên trì hoà giải nhằm động viên anh, chị hàn gắn đoàn tụ nhưng không kết quả, chị Tr xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Tr2 và vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị Tr và anh Tr2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do anh Tr2 có tính gia trưởng, trọng nam khinh nữ anh muốn có con

trai, khi chị Tr sinh con gái anh thường xuyên gây sự đánh đập chị rất nhiều lần *(cách cư xử và hành vi trên của anh Tr2 là cổ hủ, bạo lực gia đình).* Vì vậy, yêu cầu của chị Tr về việc xin ly hôn với anh Tr2 là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị Mai Tr và anh Trần Hữu Tr2 xác nhận có 02 con chung Trần Ngọc Lan Th, sinh ngày 26-3-2008 và Trần Minh Tr3, sinh ngày 16-8-2012. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr và anh Tr2 thống nhất thỏa thuận giao 02 con Trần Ngọc Lan Th, sinh ngày 26-3-2008 và Trần Minh Tr3, sinh ngày 16-8-2012, cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu Th và Tr3 cùng có nguyện vọng được sống với chị Tr được thể hiện trong biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 05-3-2024 của Toà án. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận giữa chị Tr và anh Tr2 phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của các con nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Tr về quyền yêu cầu anh Tr2 cấp dưỡng nuôi các con cho đến khi 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị Tr xác định không yêu cầu anh Tr2 cấp dưỡng nuôi các con và việc chị Tr không yêu cầu anh Tr2 phải cấp dưỡng nuôi các con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Phan Thị Mai Tr và anh Trần Hữu Tr2 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Phan Thị Mai Tr và anh Trần Hữu Tr2 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phan Thị Mai Tr là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Mai Tr và anh Trần Hữu Tr2.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Phan Thị Mai Tr và anh Trần Hữu Tr2 giao 02 con Trần Ngọc Lan Th, sinh ngày 26-3-2008 và Trần Minh Tr3, sinh ngày 16-8-2012 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của các con), chị Tr không yêu cầu anh Tr2 cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Hữu Tr2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Mai Tr và anh Trần Hữu Tr2 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Phan Thị Mai Tr và anh Trần Hữu Tr2 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phan Thị Mai Tr phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Tr được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001282, ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; chị Tr không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Mai Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Hữu Tr2 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng